

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

---000---



MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ

*Đồng Nai, 2018*

## MỤC LỤC

- 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**
- 2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**
  - 2.1. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Đồng Nai
  - 2.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo
- 3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**
- 4. CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP VÀ HỌC TẬP SAU KHI TỐT NGHIỆP**
  - 4.1. Vị trí việc làm
  - 4.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp
- 5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**
  - 5.1. Thông tin tuyển sinh
  - 5.2. Quy trình đào tạo
  - 5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp
- 6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP**
- 7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ**
  - 7.1. Các phương pháp đánh giá
  - 7.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)
- 8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**
  - 8.1. Cấu trúc chương trình
  - 8.2. Nội dung chương trình
  - 8.3. Ma trận tương ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT
  - 8.4. Kế hoạch giảng dạy dự kiến
  - 8.5. Mô tả các học phần.

## **1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1.1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Sư phạm Lịch sử**

Ngành Sư phạm Lịch sử (History Teacher Education) là ngành đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử cung cấp kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp, nhằm thực hiện nhiệm vụ giảng dạy kiến thức lịch sử cho học sinh ở trường phổ thông hiện nay, góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử của Trường Đại học Đồng Nai được thiết kế dựa trên hệ thống tín chỉ: Khối lượng kiến thức toàn khóa: 135 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

### **Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử**

Tên chương trình (Tiếng Việt): Sư phạm Lịch sử

Tên chương trình (Tiếng Anh): History Teacher Education

Mã ngành đào tạo:

Đơn vị cấp bằng: Bộ Giáo dục Đào tạo

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 04 năm

## **2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

### **2.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Đồng Nai**

**Toàn diện – Khai phóng – Thực nghiệm.**

#### **2.1.1. Toàn diện**

Sản phẩm được đào tạo phải có đầy đủ các yếu tố Đức-Tri-Thê-Mỹ, đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

#### **2.1.2. Khai phóng**

Giáo dục hướng tới xây dựng cho người học một nền tảng kiến thức rộng, cung cấp những kỹ năng cần thiết giúp lĩnh hội và vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng thời có chuyên môn sâu ở một lĩnh vực nhất định.

Giáo dục phải phát huy cao nhất tiềm năng cá nhân; hình thành tư duy sáng tạo, độc lập là cơ sở để tạo ra những phát kiến, phát minh khoa học trong nghiên cứu giảng dạy và học tập.

### **2.1.3. Thực nghiệm**

Giáo dục hướng tới giải quyết những vấn đề thực tiễn; học đi đôi với hành, những kiến thức được tiếp nhận từ nhà trường phải vận dụng linh hoạt vào quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp.

## **2.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

### **2.2.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khoẻ; có kiến thức toàn diện và hệ thống về khoa học Lịch sử; khoa học giáo dục; có năng lực dạy học và hoạt động giáo dục ở trung học phổ thông; có khả năng đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu khoa học cũng như ứng dụng các thành tựu nghiên cứu vào thực tế nghề nghiệp và đời sống xã hội.

### **2.2.2. Mục tiêu cụ thể**

#### **- Về kiến thức:**

Biết, hiểu, phân tích, vận dụng kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức khoa học Lịch sử vào dạy học chương trình Lịch sử phổ thông; vận dụng một cách sáng tạo vào giải quyết các vấn đề liên quan đến việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học Lịch sử.

#### **- Về kỹ năng:**

Xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động giáo dục, quản lý thời gian dạy học, năng lực giáo dục, năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực giáo dục Lịch sử ở trường phổ thông

Có khả năng giao tiếp, tổ chức, lãnh đạo và làm việc nhóm, hợp tác cùng giải quyết hiệu quả công việc. Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp và chia sẻ kinh nghiệm về phát triển chuyên môn của bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

#### **- Về Thái độ:**

Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp giáo viên THPT, thể hiện tinh thần đam mê nghề nghiệp, khát khao học tập suốt đời và tinh thần cống hiến cho sự nghiệp giáo dục.

### 3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (PLOs) của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử

PLOs	PLO Detail
<b>A1. Kiến thức chung (General Knowledges)</b>	
	<b>PLO 1:</b> Thông hiểu những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng – an ninh, pháp luật, giáo dục thể chất để thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
	<b>PLO 2:</b> Tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức cơ bản về Khoa học Xã hội - Nhân văn, Khoa học Tự nhiên và Khoa học Giáo dục vào trong công tác giảng dạy và nghiên cứu chuyên ngành Lịch sử.
<b>A2. Kiến thức theo chức danh nghề nghiệp (Occupation Knowledges)</b>	
	<b>PLO 3:</b> Biết, hiểu, vận dụng được các phương pháp chuyên ngành và phương pháp liên ngành để phân tích, đánh giá các sự kiện lịch sử dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.
	<b>PLO 4:</b> Nắm vững những tri thức cơ bản về Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Thế giới, Phương pháp dạy học lịch sử. Thể hiện khả năng tư duy sáng tạo, phản biện trong lĩnh vực khoa học lịch sử.
	<b>PLO 5:</b> Thông hiểu bản chất và đánh giá được các mối tương quan giữa Lịch sử Việt Nam và Lịch sử Thế giới. Có khả năng sử dụng và xây dựng kiến thức ứng dụng trong dạy học lịch sử, kết nối lịch sử với những vấn đề của hiện tại.
	<b>PLO 6:</b> Hiểu, biết và vận dụng sáng tạo các nguyên tắc, cách thức biên soạn tài liệu Lịch sử địa phương, các nguồn sử liệu phục vụ dạy học Lịch sử ở trường phổ thông và nghiên cứu khoa học Lịch sử. Biết phát hiện vấn đề nghiên cứu và vận dụng được kiến thức khoa học Lịch sử để giải quyết vấn đề.
	<b>PLO 7:</b> Phân tích và đánh giá được các quan điểm tiếp cận và vận dụng đổi mới phương pháp dạy học nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học phát triển năng lực học sinh ở trường phổ thông.

<b>B1. Kỹ năng chung (General Skills)</b>	
	<b>PLO 8:</b> Có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để giải quyết vấn đề, đảm bảo chất lượng công việc. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ thuật dạy học hiện đại trong đổi mới phương pháp dạy học và nghiên cứu chuyên ngành.
	<b>PLO 9:</b> Có kỹ năng tư duy phân biện và sáng tạo; kỹ năng tự học, nghiên cứu, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian hiệu quả. Có kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, tổ chức hoạt động trải nghiệm; kỹ năng giao tiếp và hợp tác giải quyết nhiệm vụ phù hợp với mục tiêu giáo dục.
<b>B2. Kỹ năng nghề nghiệp (Occupation Skills)</b>	
	<b>PLO 10:</b> Vận dụng linh hoạt các hình thức kiểm tra, đánh giá trong lĩnh vực dạy học Lịch sử ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học.
	<b>PLO 11:</b> Vận dụng hiệu quả các phương pháp thu thập, xử lý thông tin, tổng hợp, chọn lọc nguồn thông tin phát hiện và giải quyết được các vấn đề về khoa học Lịch sử, khoa học giáo. Vận dụng sáng tạo, nắm vững quan điểm mới trong tiếp cận, nhận thức khoa học Lịch sử để dẫn chứng, liên hệ trong việc nghiên cứu quá trình vận động, phát triển của Lịch sử Việt Nam và Lịch sử Thế giới.
<b>C1. Ý thức (Awareness)</b>	
	<b>PLO 12:</b> Có tinh thần, ý thức tự học, tự nghiên cứu và phát triển bản thân, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn.
<b>C2. Hành vi (Attitudes)</b>	
	<b>PLO13:</b> Đảm bảo các chuẩn mực đạo đức, thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo; có tác phong làm việc phù hợp với môi trường giáo dục.
	<b>PLO14:</b> Chấp hành các quy định của Nhà nước và cơ quan, thực hiện tốt những quy định tại các cơ sở giáo dục phổ thông, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng.

*Chuẩn nghề nghiệp quốc tế thể hiện năng lực thực hiện KSA (Knowledge, Skills, Attitude)*

Bảng 2. Quan hệ giữa mục tiêu (PO) với chuẩn đầu ra (PLOs) của CTĐT

Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
PLO1	1				
PLO2	1				
PLO3		2			
PLO4		2			
PLO5		2			
PLO6		2			
PLO7			3		
PLO8			3		
PLO9			3		
PLO10				4	
PLO11				4	
PLO12					6
PLO13					6
PLO14					6

#### 4. CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP VÀ KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

##### 4.1. Cơ hội nghề nghiệp

- Làm công tác giáo dục và giảng dạy phân môn Lịch sử tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, các trường trung cấp, cao đẳng, đại học trong cả nước.

- Làm công tác chuyên trách công tác tại các bảo tàng, ban tuyên giáo, các sở, phòng văn hóa, các khu di tích lịch sử - văn hóa.

- Cán bộ phụ trách nội dung tại các cơ quan truyền hình, báo chí, nhà xuất bản.

- Nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu khoa học xã hội; chuyên viên dự án về giáo dục cộng đồng, du lịch cộng đồng và bảo tồn di sản văn hoá vật thể.

##### 4.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Cử nhân tốt nghiệp ngành Sư phạm Lịch sử có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử và một số ngành gần ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tham gia các hội thảo, chuyên đề liên quan đến khoa học Lịch sử ở các cơ quan nghiên cứu và trường cao đẳng, đại học.

## **5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

### **5.1. Thông tin tuyển sinh**

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử chấp nhận người học đáp ứng những điều kiện theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

### **5.2. Quy trình đào tạo**

- CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử được đào tạo theo hệ thống tín chỉ, thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Đồng Nai.

- Chương trình đào tạo được thiết kế cho 4 năm học, với 134 tín chỉ.

### **5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp**

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng các điều kiện dưới đây:

- Tích lũy đủ số tín chỉ, số học phần của chương trình đào tạo và đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 trở lên;

- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và an ninh; chứng chỉ Giáo dục thể chất, đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường Đại học Đồng Nai.

**6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP** (*Các phương pháp dạy học*) CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử sử dụng các chiến lược và phương pháp dạy học dưới đây:

### **6.1. Dạy học trực tiếp**

Chiến lược dạy học này cho phép thông tin được chuyển tải đến người học một cách trực tiếp, giảng viên trình bày, thuyết giảng và người học lắng nghe với các phương pháp như: Giải thích cụ thể; Thuyết giảng và Tham luận.

(1) Giải thích cụ thể: giảng viên hướng dẫn, giải thích chi tiết cụ thể các nội dung, thuật ngữ, khái niệm liên quan đến bài học, giúp người học đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng.

(2) Thuyết giảng: giảng viên thuyết giảng, trình bày và giải thích nội dung bài học, người học nghe giảng tiếp nhận, ghi nhớ, tích lũy kiến thức.

(3) Tham luận: nhà khoa học hoặc chuyên gia đến từ các viện, trường học cơ quan, doanh nghiệp bên ngoài (không phải là giảng viên) truyền đạt hiểu biết, kinh nghiệm của mình dạng tham luận giúp người học hình thành kiến thức.



## **6.2. Dạy học gián tiếp**

Chiến lược dạy học theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học mà thay vào đó, người học tích cực tham gia vào tiến trình học tập, tìm kiếm và sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề được nêu trong bài học với các phương pháp như: Câu hỏi gợi mở; Đặt và giải quyết vấn đề; Học theo tình huống; Seminar ....

(4) Câu hỏi gợi mở: giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở vấn đề, hướng dẫn người học từng bước trả lời nhằm làm rõ và giải quyết vấn đề; bên cạnh đó, người học còn tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết vấn đề.

(5) Giải quyết vấn đề: người học tiếp nhận và đạt được kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của môn học, làm sáng tỏ và tìm giải pháp cho vấn đề được đặt ra.

(6) Học theo tình huống: giảng viên nêu tình huống xảy ra trong thực tế và yêu cầu người học (thường theo nhóm) tìm cách xử lý, qua đó hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng nghiên cứu.

(7) Tổ chức Seminar: được xem là một dạng hội thảo, nghiên cứu chuyên đề, có thể đơn giản là một buổi báo cáo bài học tập, mà trong đó người học phải chủ động hoàn toàn tất cả các bước từ khâu chuẩn bị tài liệu, trình bày nội dung, trao đổi, thảo luận với các thành viên khác, rút ra được nội dung học hay vấn đề khoa học cũng như đưa ra các đề xuất, kiến nghị, giải pháp khẳng định hay bác bỏ một vấn đề Lịch sử.

## **6.3. Dạy học trải nghiệm**

Chiến lược dạy học này người học tiếp nhận kiến thức và kỹ năng qua thực hành, làm việc trên thực tế rồi quan sát, cảm nhận và thấu hiểu với các phương pháp như: Thực tập, thực tế; Nhóm nghiên cứu giảng dạy.

(8) Thực tập, thực tế: hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế giúp người học tìm hiểu môi trường làm việc, các công nghệ đang áp dụng trong lĩnh vực ngành, nghề được đào tạo, góp phần hình thành kỹ năng nghề, văn hóa làm việc và tạo cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.

(9) Nhóm nghiên cứu - giảng dạy: người học được tham gia vào các dự án của nhóm nghiên cứu - giảng dạy của giảng viên nhằm hình thành các năng lực nghiên cứu sáng tạo, tạo điều kiện chuyển tiếp lên bậc học cao hơn.

#### **6.4. Dạy học tương tác**

Đây là cách dạy học mà giảng viên kết hợp sử dụng nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề, nêu câu hỏi gợi mở và yêu cầu người học cùng thảo luận, tranh luận để làm rõ và tìm ra phương án giải quyết, qua đó phát triển các kỹ năng xã hội, tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán, đưa ra quyết định.

(10) Tranh luận: giảng viên nêu vấn đề của bài học, người học tranh luận với nhau; người học phân tích, lý giải và thuyết phục người khác ủng hộ quan điểm của mình, qua đó hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

(11) Thảo luận: người học được chia thành các nhóm để bàn luận, trao đổi, bổ sung và thống nhất quan điểm với nhau về vấn đề được giảng viên đặt ra; trong thảo luận, người học có cùng quan điểm và mục tiêu chung thường tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

(12) Học nhóm: người học được tổ chức thành nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề của bài học và trình bày kết quả hoạt động của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình với sự đánh giá, góp ý, bổ sung của các nhóm khác.

#### **6.5. Tự học**

Cách học này người học tiến hành hoạt động học tập của mình với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên, nhưng qua đó họ tự định hướng việc học theo kinh nghiệm của bản thân, có quyền tự chủ và tự điều khiển hoạt động học của mình qua các bài tập hay vấn đề mà giảng viên đã gợi ý, hướng dẫn khi ở lớp.

(13) Bài tập ở nhà: người học được giảng viên giao thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ làm việc ở nhà, qua đó hình thành năng lực và phương pháp tự học, tiếp nhận kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu môn học.

Các chiến lược và phương pháp dạy học trên đây giúp người học đạt chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử thể hiện ở Bảng 4.

Bảng 3. Quan hệ giữa chiến lược và phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra (PLOs)

Chiến lược và phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
<b>Dạy học trực tiếp</b>														
1, Giải thích cụ thể	X		X	X	X	X	X		X		X	X		
2, Thuyết giảng	X		X	X	X		X	X						
3, Tham luận				X			X							
<b>Dạy học gián tiếp</b>														
4, Câu hỏi gợi mở	X			X	X		X							
5, Giải quyết vấn đề	X			X	X	X	X				X	X		X
6, Học theo tình huống				X	X	X							X	X
<b>Dạy học trải nghiệm</b>														
7, Mô hình				X							X			
8, Thực tập, thực tế		X		X	X	X	X		X			X		
9, Thí nghiệm														
10, Nhóm nghiên cứu giảng dạy	X					X	X					X	X	X
<b>Dạy học tương tác</b>														
11, Tranh luận				X						X			X	
12, Thảo luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
13, Học nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>Tự học</b>														
14, Bài tập ở nhà	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X

## 7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

### 7.1. Các phương pháp đánh giá (Methode Assement)

CTĐT áp dụng 2 phương pháp đánh giá chính là đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc.

#### 7.1.1. Đánh giá quá trình (Process Assesement)

Nhằm hỗ trợ người dạy và người học tự đánh giá, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong từng buổi học, làm cơ sở cho hoàn thành các học phần của CTĐT. Đánh giá quá trình bao gồm (1) Tính chuyên cần; (2) Việc hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm và khả năng thuyết trình; (3) Bài kiểm tra giữa kì theo quy định tại Quy chế đào tạo của Trường.

#### 7.1.2. Đánh giá kết thúc học phần (The Exam)

Đây là hoạt động do Trường tổ chức khi kết thúc học phần trong CTĐT. Thi học phần lý thuyết theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan, thi học phần thực hành thông qua thực hiện và bảo vệ chuyên đề tiểu luận, khoá luận, thực hành giảng dạy,...

Bảng 4. Quan hệ giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)													
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
<b>I</b>	<b>Đánh giá tiến trình</b>														
1	Đánh giá chuyên cần	X			X	X	X	X				X	X	X	X
2	Đánh giá bài tập	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Đánh giá thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>II</b>	<b>Đánh giá tổng kết/ định kỳ</b>														
4	Đánh giá kiểm tra viết	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5	Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
6	Đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp		X				X	X					X	X	
7	Đánh giá báo cáo	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
8	Đánh giá thực hành giảng dạy	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

## 7.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

### 7.2.1. Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5-10	7.0-8.4	5.5-6.9	4.0-5.4	0.0-3.9
Dự học trên lớp	50%	Dự học trên lớp rất đầy đủ	Dự học trên lớp đầy đủ (75- 90%)	Dự học trên lớp khá đầy đủ (55-75%)	Dự học trên lớp chưa đầy đủ (40- 55%)	Dự học trên lớp quá ít
Đóng góp tại lớp	50%	Tham gia tích cực các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học rất hiệu quả.	Tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học hiệu quả.	Tham gia khá đầy đủ các hoạt động trên lớp, một số đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả.	Có tham gia các hoạt động trên lớp. một số ít đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả.	Không tham gia các hoạt động trên lớp. không có đóng góp tại lớp.

### 7.2.2. Đánh giá bài tập

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5-10	7.0-8.4	5.5-6.9	4.0-5.4	0.0-3.9
Nộp bài tập	20%	Nộp bài đầy đủ (100%); đúng thời gian quy định.	Nộp bài đầy đủ, (100%); hầu hết đúng thời gian quy định.	Nộp bài đầy đủ (100%); một số nhất định chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài khá đầy đủ (70%); nhiều bài tập chưa đúng thời gian quy định.	Không nộp bài tập.
Trình bày bài tập	30%	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách, logic chặt chẽ; hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, khoa học; ghi thích đầy	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách; hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, phù hợp; ghi chú, giải thích đầy	Trình bày đúng quy cách; hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, phù hợp; còn một số lỗi nhỏ về trình bày	Trình bày lộn xộn, không đúng quy cách; hình vẽ, bảng biểu không phù hợp.	Không có bài tập.
Nội dung bài tập	50%	Nội dung bài tập chính xác, đầy đủ, đúng theo yêu cầu; chi tiết rõ ràng,	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu, nhưng chưa thật hợp lý; còn	Nội dung bài tập còn thiếu khá nhiều; một số không đúng theo yêu cầu và thiếu chính xác.	Không có bài tập.

### 7.2.3. Đánh giá thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	c	D	F
		8.5-10	7.0-8.4	5.5-6.9	4.0-5.4	0.0-3.9
Nội dung báo cáo	50%	Phong phú hơn yêu cầu; chính xác, khoa học, sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu.	Hoàn toàn phù hợp với yêu cầu; khá chính xác, khoa học, sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ	Phù hợp với yêu cầu; tương đối chính xác, khoa học; tuy nhiên giải thích chưa rõ ràng.	Phù hợp với yêu cầu; tuy nhiên còn thiếu một số nội dung quan trọng.	Thiếu nhiều nội dung quan trọng hoặc không phù hợp với yêu cầu; thiếu chính xác, khoa học.
Cấu trúc và tính trực quan	10%	Cấu trúc bài và slide rất hợp lý, rất trực quan và	Cấu trúc bài và slide hợp lý, trực	Cấu trúc bài và slide tương đối hợp lý, rõ ràng.	Cấu trúc bài và slide chưa hợp lý, ít trực quan	Cấu trúc bài và slide quá sơ sài, không đủ số lượng theo
Thuyết trình	10%	Phần trình bày rất súc tích, có bố cục rõ ràng; âm giọng rõ ràng, lưu loát, cuốn hút và tương tác tốt với người nghe: người nghe	Phần trình bày khá súc tích; sử dụng từ đơn giản, dễ hiểu; âm giọng rõ ràng, lưu loát, tương tác tốt với	Phần trình bày theo bố cục rõ ràng; âm giọng vừa phải, dễ nghe; người nghe có thể hiểu nội dung được trình bày; thời gian trình	Phần trình bày đầy đủ; âm giọng thấp, một số từ không rõ ràng; chưa có tương tác; thời gian trình bày đúng quy	Phần trình bày không logic; sử dụng từ không đúng; âm giọng thấp, không rõ; người nghe không hiểu; vượt quá thời gian quy

		có thể hiểu và bắt kịp tất cả nội dung được trình bày; thời gian trình bày đúng quy định.	người nghe; người nghe có thể hiểu nội dung được trình bày; thời gian trình bày đúng quy định.	bày đúng quy định.	định.	định.
Trả lời câu hỏi	30%	Trả lời rõ ràng và thỏa đáng tất cả các câu hỏi.	Trả lời đúng đa số câu hỏi, và nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi	Trả lời dùng đa số câu hỏi, nhưng không nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả	Không lời được đa số câu hỏi, nhưng nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi và không nêu được định hướng phù hợp.

#### 7.2.4. Đánh giá khoá luận

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5-10	7.0-8.4	5,5-6.9	4.0-5.4	0.0-3.9
Nội dung khóa luận	50%	Nội dung triển khai khóa luận đáp ứng với tên đề tài. Diễn đạt chặt chẽ, lập luận rõ ràng, dẫn nguồn cụ thể; kết quả phân tích, diễn giải vấn đề hoàn toàn thuyết phục hội đồng.	Nội dung triển khai khóa luận đáp ứng với tên đề tài. Diễn đạt khá chặt chẽ, lập luận rõ ràng, dẫn nguồn khá cụ thể; kết quả phân tích, diễn giải vấn đề	Nội dung triển khai khóa luận đáp ứng với tên đề tài nhưng còn một số hạn chế. Diễn đạt khá chặt chẽ, lập luận rõ ràng, dẫn nguồn còn hạn chế;	Nội dung triển khai khóa luận đáp ứng với tên đề tài khá thấp. Diễn đạt chưa chặt chẽ, lập luận chưa rõ ràng, dẫn nguồn còn hạn chế; kết quả	Không triển khai được khóa luận đúng với tên đề tài.
Hình thức khóa luận	10%	Hình thức trình bày khóa luận đúng theo quy định, rõ ràng, hợp lí. Xây dựng bảng biểu, hình vẽ phù hợp với khóa luận.	Hình thức trình bày khóa luận đúng theo quy định, rõ ràng, hợp lí nhưng còn hạn chế. Xây dựng bảng biểu, hình vẽ	Hình thức trình bày khóa luận đúng theo quy định, nhưng còn một số lỗi cần chỉnh sửa. Xây dựng bảng biểu, hình vẽ còn hạn chế.	Hình thức trình bày khóa luận đúng theo quy định nhưng còn mắc nhiều lỗi cần chỉnh sửa. Xây dựng bảng biểu, hình vẽ	Hình thức trình bày khóa luận không đúng theo quy định.



Bảo vệ khóa luận	10%	Trình bày bằng PowerPoint rõ ràng, cụ thể đầy đủ các chương, các mục theo hướng tóm tắt khóa luận.	Trình bày bằng PowerPoint rõ ràng, cụ thể đầy đủ các chương, các mục theo hướng tóm tắt khóa luận nhưng còn một số hạn chế.	Trình bày bằng PowerPoint rõ ràng, cụ thể đầy đủ các chương, các mục theo hướng tóm tắt khóa luận	Trình bày bằng PowerPoint rõ ràng, cụ thể đầy đủ các chương, các mục theo hướng tóm tắt khóa luận	Không trình bày được khóa luận trước hội đồng.
Trả lời câu hỏi	30%	Trả lời đúng, rõ ràng tất cả các câu hỏi từ hội đồng.	Trả lời đúng, nhưng chưa rõ ràng tất cả các câu	Trả lời được một số câu hỏi từ hội đồng.	Trả lời được một số câu hỏi từ hội đồng nhưng chưa	Không trả lời được các câu hỏi từ hội đồng.

## 8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 8.1. Cấu trúc chương trình

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 133 TC

(Không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

- Khối kiến thức chung: 23 TC
- Khối kiến thức theo chức danh nghề nghiệp:
  - + Kiến thức cơ sở ngành: 33
  - + Kiến thức chuyên ngành: 70

## 8.2. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ	
				Lý thuyết	Thực hành
<b>I. Khối kiến thức chung</b>			<b>27</b>		
1		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	3	45	
2		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	45	
3	<b>POL91202</b>	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	
4	POL91303	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	
5	INF91402	Tin học đại cương	2	30	
6	LAN91513	Ngoại ngữ không chuyên 1	3	45	
7	LAN91522	Ngoại ngữ không chuyên 2	2	30	
8	LAN91532	Ngoại ngữ không chuyên 3	2	30	
9		Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	
10	PHY91715	Giáo dục thể chất	3		
11		Quản lý nhà nước và quản lý ngành giáo dục	2	30	
12	DEF91810	Giáo dục quốc phòng	<b>65 tiết</b>		
<b>B. Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực SP</b>			<b>34</b>		
<b>I. Khối kiến thức chung</b>			<b>14</b>		
13	PSY92114	Tâm lý học đại cương	2	30	
14		Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	3	45	
15		Giáo dục học 1	2	30	
16		Giáo dục học 2	3	45	
17	PSY92172	Giao tiếp sư phạm	2	30	
18	HIS92192	Đánh giá kết quả giáo dục học sinh	2	30	

		<b>Thực hành sư phạm</b>			
19	LISU3313	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	2	30	
20	HIS92152	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	2		30
21	HUC92252	Kiến tập sư phạm	2		30
22	HUC92285	Thực tập sư phạm	5		75
		<b>Kiến thức, kỹ năng và năng lực dạy học chuyên ngành</b>	<b>8</b>		
23	LISU3303	Lý luận dạy học lịch sử	3	45	
24	HIS02313	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lịch sử	3	45	
25	HIS02332	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học lịch sử	2	30	
		<b>KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>	<b>70</b>		
		<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>11</b>		
		<b>a.Bắt buộc</b>	<b>8</b>		
26	HIS03113	Lý luận sử học	3	45	
27	LISU1172	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	
28	LISU2233	Lịch sử văn minh thế giới	3	45	
		<b>a.Tự chọn (chọn 1/2/ học phần)</b>	<b>3/6</b>		
29	HIS04272	Khuynh hướng canh tân nửa sau thế kỷ XIX và phong trào duy tân đầu thế kỷ XX ở Việt Nam	3	45	
30	LISU555	Khảo cổ học đại cương	3	45	
<b>II</b>		<b>Khối kiến thức chuyên sâu của ngành</b>	<b>59</b>		
		<b>a.Bắt buộc</b>	<b>51</b>		
31	LISU0415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	5	75	
32	LISU3254	Lịch sử thế giới cận đại	4	60	
33	LISU3264	Lịch sử thế giới hiện đại	4	60	

34	LISU3474	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	4	60	
35	LISU3284	Lịch sử Việt Nam cận đại	4	60	
36	LISU3294	Lịch sử Việt Nam hiện đại	5	75	
37	LISU4402	Nghệ thuật quân sự Việt Nam thời cổ trung đại	2	30	
38	LISU4512	Lý luận và lịch sử tôn giáo	2	30	
39	LISU4462	Lịch sử nghệ thuật Việt Nam	2	30	
40	LISU4412	Hậu phương trong chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975)	2	30	
41	HIS82112	Chủ nghĩa tư bản cận hiện đại	3	45	
42	HIS04143	Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương	2	30	
43	HIS04154	Tiếp xúc văn hóa giữa Trung Quốc, Ấn Độ và các nước trong khu vực	3	45	
44	HIS0462	Các cuộc cải cách ở Châu Á thời cận - hiện đại	2	30	
45	LISU4422	Chiến lược tiến công trong cách mạng miền Nam (1954-1975)	2	30	
46	HIS04312	Nhân học đại cương	3	45	
47	LISU4542	Phong trào nông dân trong lịch sử Việt Nam cổ trung đại	2	30	
48	LISU5562	Thực tế chuyên môn	2	30	
		<b>Chọn 4/8 học phần</b>	<b>8/54</b>		
		<b>Kỹ năng và năng lực dạy học chuyên ngành (Chọn 1/2 học phần)</b>			
49	HIS82122	Biểu tượng và khái niệm trong dạy học lịch sử	2	30	
50	LISU4522	Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương	2	30	
		<b>Lịch sử Việt Nam (chọn 1 trong 2 học phần)</b>			
51	LISU4462	Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại.	2	30	
52	LISU4453	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2	30	

		<b>Lịch sử thế giới (chọn 1 trong 2 học phần)</b>			
53	LISU445	Cải cách kinh tế - xã hội ở Trung Quốc từ 1978 đến nay.	2	30	
54	HIS84312	Việt Nam – ASEAN	2	75	
<b>Khối kiến thức tích hợp (chọn 1 trong 2 học phần)</b>					
55	HIS74132	Văn học Việt Nam	2	30	
56	HIS74142	Văn học thế giới	2	30	
<b>KHÓA LUẬN HOẶC HỌC PHẦN THAY THẾ</b>			<b>5</b>		
57	HUC84905	Khóa luận	5	30	
<b>Các học phần thay thế (dành cho những sinh viên không làm khóa luận)</b>					
58	LISU5612	Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam (1930 - 1975)	3	30	
59	LISU5593	Sử dụng đồ dùng trực quan để phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học	2	30	
<b>TỔNG SỐ TC TOÀN KHÓA</b>			<b>133</b>		

### 8.3. Ma trận tương ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT

TT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)													
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
<b>I. Khối kiến thức chung</b>																
<i>Các học phần bắt buộc</i>																
1		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2													
2		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	2													
3	POL91202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2													
4	POL91303	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2													
5	INF91402	Tin học đại cương	2													
6	LAN91513	Ngoại ngữ không chuyên 1							2							
7	LAN91522	Ngoại ngữ không chuyên 2							2							
8	LAN91532	Ngoại ngữ không chuyên 3							2							
9		Phương pháp nghiên cứu khoa học							2							
10		Quản lý nhà nước và quản lý ngành giáo dục – đào tạo	2													
11	PHY91715	Giáo dục thể chất														
12	DEF91810	Giáo dục quốc phòng và an ninh														
<b>II. Khối kiến thức theo chức danh nghề</b>																
<b>KHỐI KIẾN THỨC ĐÀO TẠO VÀ RÈN LUYỆN NĂNG LỰC SỰ PHẠM</b>																
13	PSY92114	Tâm lý học đại cương	2													
14		Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	2													
15	LISU1092	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử			2	2			2							

16		Giáo dục học 1			2	3	3	2	3	3	2	3	3	3	3	
17		Giáo dục học 2				2	2							2		
18	HIS92192	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh			3	2	2	2	3	3	3	3	2	3	3	
		<b>Thực hành sư phạm</b>														
19	LISU3313	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên				2	2								3	
20	HIS92152	Thực hành dạy học tại trường sư phạm				2	2								3	
21	HUC92252	Kiến tập sư phạm			2	3	3	2	3	3	2	3	3	3	3	
22	HUC92285	Thực tập sư phạm			2	3	3	2	3	3	2	3	3	3	3	
<b>Kiến thức, kĩ năng và năng lực dạy học chuyên ngành chuyên ngành</b>																
23	LISU3303	Lý luận dạy học lịch sử			2	2	2	2	2	2	2		3	3	3	2
24	HIS02313	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lịch sử			2	2	2	2	2	2	2		3	3	3	2
25	HIS02332	Ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học lịch sử			2	2	2	2	2	2	2		3	3	3	2
<b>C</b>		<b>KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>														
<b>1</b>		<b>Khối kiến thức cơ sở của ngành</b>														
		<b>a. Bắt buộc</b>														
26	HIS03113	Lý luận sử học			2	3	3	2	3	3	3		3	3	3	3
27	LISU1172	Cơ sở văn hóa Việt Nam			2	3	3	2	3	3	3		3	3	3	3
28	LISU2233	Lịch sử văn minh thế giới			2	3	3	2	3	3	3		3	3	3	3
		<b>b. Tự chọn</b>														
29	HIS04272	Khuyh hướng canh tân nửa sau thế kỉ XIX và phong trào duy tân đầu thế kỉ XX ở Việt Nam			2	2	2	2	2	3	3		3	3	3	3
30	LISU5552	Khảo cổ học đại cương			2	3	2	2	2	3	3			3	3	3

II		Khối kiến thức chuyên sâu của ngành													
31	LISU0415	Lịch sử thế giới cổ trung		2	2	2		3				3			
32	LISU3254	Lịch sử thế giới cận đại			3	2	2	2	2	3		3	3	3	3
33	LISU3264	Lịch sử thế giới hiện đại			2		2	3				3			
34	LISU3474	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại		2	2	2		3				3			
35	LISU3284	Lịch sử Việt Nam cận đại		2	2	2	2	3				3			
36	LISU3294	Lịch sử Việt Nam hiện đại		2	2	2	3	3	2	3		3	3	3	3
37	LISU4402	Nghệ thuật quân sự Việt Nam thời cổ trung đại		2	3	3	2	3	3	3		3	3	3	3
38	LISU4512	Lý luận và lịch sử tôn giáo		2	3	3	2	3	3	3		3	3	3	3
39	LISU4462	Lịch sử nghệ thuật Việt Nam		2	2	3	2	2	3	3	3	3	3	3	3
40	LISU4412	Hậu phương trong chiến tranh cách mạng Việt Nam		3	2		2	3	3	3	3	3	3	3	3
41	HIS82112	Chủ nghĩa tư bản cận- hiện đại		2					2		3				
42	HIS04143	Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương			2	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3
43	HIS04154	Tiếp xúc văn hóa giữa Trung Quốc, Ấn Độ với các nước trong khu vực			2		2	2		3		3	3	3	3
44	HIS04162	Các cuộc cải cách ở châu Á thời cận – hiện đại		3	2		2	3	3	3	3	3	3	3	3
45	LISU4422	Chiến lược tiến công trong cách mạng miền Nam (1954 – 1975)		3	3	2	2	2	3	2		3	3	2	
46	HIS04312	Nhân học đại cương		3	3	2	2	2	3	2		3	3	2	2
47	LISU4542	Phong trào nông dân trong lịch sử Việt Nam cổ trung đại		3	3	2	2	2	3	2		3	3	2	2
48	LISU5562	Thực tế chuyên môn		3	3	2	2	2	3	2		3	3	2	2



		<b>b.Tự chọn (Chọn 4/8 học phần)</b>													
		<b>Kỹ năng và năng lực dạy học chuyên ngành</b>													
49	HIS82122	Biểu trưng và khái niệm trong dạy học lịch sử		3	3	2	2	2	3	2		3	3	2	2
50	LISU4522	Phương pháp nghiên cứu, giảng dạy và biên soạn và giảng dạy địa phương				2				2		3			
		<b>Lịch sử Việt Nam</b>													
51	LISU4462	Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại				2				2		3			
52	LISU4453	Lịch sử ngoại giao				2	2	3						3	
		<b>Lịch sử thế giới</b>													
53	LISU4452	Cải cách kinh tế - xã hội ở Trung Quốc từ 1978 đến nay				2	2	3						3	
54	HIS84312	Việt Nam - ASEAN		2	3	3	2	3	3	3		3	3	3	3
		<b>Khối kiến thức tích hợp</b>													
55	HIS74132	Văn học Việt Nam		3	2	2	2	3	3	3		3	3	3	3
56	HIS74142	Văn học thế giới			2		2	3				3			
		<b>KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP</b>													
57	HUC84905	Khóa luận			2		2	3				3			
58	LISU5612	Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam (1930 – 1975)		3	2	2	2	3	3	3		3	3	3	3
59	LISU5593	Sử dụng đồ dùng trực quan để phát uy tính tích cực của học sinh trong dạy học lịch sử		3	2	2	2		3	3		3	3	3	3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của các học phần với chuẩn đầu ra được mã hóa như sau:

1 = đóng góp mức thấp.

2 = đóng góp mức trung bình

3 = đóng góp mức cao

Để trống = không đóng góp.

#### 8.4. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kì thực hiện									
			Số tín chỉ	1	2	3	4	5	6	7	8	
<b>I. Khối kiến thức chung</b>			23									
<i>Các học phần bắt buộc</i>												
1		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	X								
2		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3		X							
3	POL91202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			X						
4	POL91303	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3				X					
5	INF91402	Tin học đại cương	2		X							
6	LAN91513	Ngoại ngữ không chuyên 1	2	X								
7	LAN91522	Ngoại ngữ không chuyên 2	3		X							
8		Ngoại ngữ không chuyên 3	2			X						
9	LISU1092	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2					X				
10		Quản lý nhà nước và quản lý ngành giáo dục – đào tạo	2				X					
11	PHY91715	Giáo dục thể chất	3	X	X	X						
12	DEF91810	Giáo dục quốc phòng và an ninh	165t									
13	PSY92114	Tâm lý học đại cương	2	X								

14		Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	3		X						
15	LISU1092	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử	2		X						
16		Giáo dục học 1	3			X					
17		Giáo dục học 2	2				X				
18	HIS92192	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	2						X		
		<b>Thực hành sư phạm</b>	12								
19	LISU3313	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	3			X					
20	HIS92152	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	2				X				
21	HUC92252	Kiên tập sư phạm	2					X			
22	HUC92285	Thực tập sư phạm	5								X
<b>KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>											
23	LISU3303	Lý luận dạy học lịch sử	3				X				
24	HIS02313	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lịch sử	3				X				
25	HIS02332	Ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học lịch sử	2						X		
<b>C</b>		<b>KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>									
<b>1</b>		<b>Khối kiến thức cơ sở của ngành</b>									
		<b>a. Bắt buộc</b>									
26	HIS03113	Lý luận sử học	3	X							
27	LISU1172	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2								X
28	LISU2233	Lịch sử văn minh thế giới	3	X							
		<b>b. Tự chọn</b>									

29	HIS04272	Khuynh hướng canh tân nửa sau thế kỉ XIX và phong trào duy tân đầu thế kỉ XX ở Việt Nam	3									
30	LISU5552	Khảo cổ học đại cương	3	X								
<b>II</b>		<b>Khối kiến thức chuyên sâu của ngành</b>										
31	LISU0415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	5		X							
32	LISU3254	Lịch sử thế giới cận đại	4			X						
33	LISU3264	Lịch sử thế giới hiện đại	5				X					
34	LISU3474	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	4		X							
35	LISU3284	Lịch sử Việt Nam cận đại	4			X						
36	LISU3294	Lịch sử Việt Nam hiện đại	4					X				
37	LISU4402	Nghệ thuật quân sự Việt Nam thời cổ trung đại	2							X		
38	LISU4512	Lý luận và lịch sử tôn giáo	2							X		
39	LISU4462	Lịch sử nghệ thuật Việt Nam	2								X	
40	LISU4412	Hậu phương trong chiến tranh cách mạng Việt Nam	2								X	
41	HIS82112	Chủ nghĩa tư bản cận- hiện đại	2					X				
42	HIS04143	Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương	2					X				
43	HIS04154	Tiếp xúc văn hóa giữa Trung Quốc, Ấn Độ với các nước trong khu vực	3					X				

44	HIS04162	Các cuộc cải cách ở châu Á thời cận – hiện đại	2						X		
45	LISU4422	Chiến lược tiến công trong cách mạng miền Nam (1954 – 1975)	2							X	
46	HIS04312	Nhân học đại cương	3					X			
47	LISU4542	Phong trào nông dân trong lịch sử Việt Nam cổ trung đại	2							X	
48	LISU5562	Thực tế chuyên môn	2						X		
		<i>b. Tự chọn (Chọn 4/8 học phần)</i>									
		<b>Kỹ năng và năng lực dạy học chuyên ngành</b>									
49	HIS82122	Biểu tượng và khái niệm trong dạy học lịch sử	2						X		
50	LISU4522	Phương pháp nghiên cứu, giảng dạy và biên soạn và giảng dạy địa phương	2						X		
		<b>Lịch sử Việt Nam</b>									
51	LISU4462	Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại	2					X	X		
52	LISU4453	Lịch sử ngoại giao	2					X	X		
		<b>Lịch sử thế giới</b>									
53	LISU4452	Cải cách kinh tế - xã hội ở Trung Quốc từ 1978 đến nay	2							X	
54	HIS84312	Việt Nam - ASEAN	2							X	
		<b>Khối kiến thức tích hợp</b>									

55	HIS74132	Văn học Việt Nam	2							X	
56	HIS74142	Văn học thế giới	2							X	
		<b>KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP</b>									
57	HUC84905	Khóa luận	5								X
58	LISU5612	Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam (1930 – 1975)	3								X
59	LISU5593	Sử dụng đồ dùng trực quan để phát uy tính tích cực của học sinh trong dạy học lịch sử	2								X

## 8.5. Mô tả các học phần

### 8.5.1. Khối kiến thức chung

#### 1. ( ) Những NLCB của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1 (5 TC)

Ngoài 1 chương mở đầu giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề chung, môn học bao gồm 3 phần với 9 chương;

Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin;

Phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa;

Phần thứ ba có 3 chương, trong đó 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát.

#### 2. ( ) Những NLCB của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2 (3TC)

#### 3. (POL91202) Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Học phần “Tư tưởng Hồ Chí Minh” cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.

#### **4. (POL91303) Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 TC)**

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam.

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945)

Chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 – 1975)

Chương IV: Đường lối công nghiệp hóa

Chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa

Chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị

Chương VII: Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội.

Chương VIII: Đường lối đối ngoại

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kì đổi mới.

#### **5. (INF91402) Tin học đại cương (2 TC)**

Cung cấp cho sinh viên một số hiểu biết khái quát về Tin học và máy tính điện tử, làm nền tảng cơ sở cho sinh viên học tiếp các môn Tin học khác. Về kỹ năng sinh viên sử dụng tương đối thành thạo máy tính trong những công việc như: soạn thảo văn bản, lập bảng biểu, thiết kế trình diễn, khai thác Internet phục vụ cho việc học tập nghiên cứu của mình.

#### **6. (LAN91513) Ngoại ngữ không chuyên 1 (2TC)**

Nội dung học phần bao gồm 4 bài.

Bài 1: Communicating

Bài 2: Travel and tourism

Bài 3: Money

Bài 4: Social life

## **7. (LAN91522) Ngoại ngữ không chuyên 2 (2 TC)**

Phần 1: Luyện nghe nói: theo chủ đề của từng bài

Phần 2: Các dạng bài đọc hiểu: đọc trả lời câu hỏi; True-False

Phần 3: Học các cách viết tùy theo từng bài:

- Đơn xin việc
- Viết blog về một thành tựu hay viết đánh giá cảm nhận về một cuốn sách hoặc một bộ phim.

- Cách dùng các từ nối (ordering ideas and giving examples; although, however)

Phần 4: Học từ vựng: nghề nghiệp, vấn đề trong cuộc sống; sức khỏe và sở thích (nghệ thuật, âm nhạc)

## **8. (LAN91532) Ngoại ngữ không chuyên 3 (3 TC)**

Nội dung môn học gồm 4 phần:

Phần 1: Luyện nghe nói: theo chủ đề của từng bài

Phần 2: Các dạng bài đọc hiểu: đọc trả lời câu hỏi; True-False

Phần 3: Học các cách viết tùy theo từng bài:

- Viết sơ yếu lý lịch cá nhân (personal profile)
- Viết lá thư xin lỗi (apology email)
- Viết một web post đưa ra quan điểm cá nhân
- Học các từ nối về thời gian

Phần 4: Học từ vựng: các thành tựu, kết quả sự kiện, tính từ miêu tả tính cách.

## **9. Phương pháp nghiên cứu khoa học (3TC)**

Nội dung học phần gồm 4 chương đề cập đến các nội dung: Những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học; cấu trúc logic của công trình nghiên cứu khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp trình bày một báo cáo khoa học.

## **10. (PHY91715) Giáo dục thể chất (3 TC)**

Phần đại cương: (90 tiết)

- Kỹ thuật chạy ngắn, tiếp sức và trung bình (30 tiết)
- Kỹ thuật nhảy cao (kiểu nằm úp bụng) (15 tiết)
- Kỹ thuật nhảy xa (kiểu ưỡn thân) (15 tiết)



- Kỹ thuật đẩy tạ (kiểu lưng hướng ném) (15 tiết)
- Bài nhảy dây liên kết (15 tiết)

Phần tự chọn: (60 tiết): Chia nhóm theo yêu cầu của sinh viên (Tối thiểu là 03 đến 04 môn: Bóng chuyên, Cầu lông, Bóng bàn, Bơi lội...). Bổ sung các kiến thức về luật, trọng tài và phương pháp thi đấu.

### **11. Quản lý nhà nước và quản lý ngành đào tạo (2TC)**

Môn học cung cấp hệ thống hệ thống tri thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành GD tiểu học, đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục, Luật giáo dục, những điều lệ, quy định, quy chế về giáo dục & đào tạo, ... làm cơ sở cho người học vận dụng vào công tác giáo dục và quản lý các hoạt động giáo dục trong thực tiễn.

### **12. (DEF91810) Giáo dục quốc phòng (11TC)**

Nhằm trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quán triệt quan điểm của Đảng về xây dựng nền Quốc phòng toàn dân - an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Những hiểu biết về lịch sử nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng, các nội dung về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

#### ***8.5.2. Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm***

### **13. (PSY92114) Tâm lý học đại cương (2TC)**

Học phần Tâm lý học đại cương cung cấp kiến thức về bản chất của hiện tượng tâm lý người; hoạt động, giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; hoạt động nhận thức, trí nhớ, tình cảm, hành động ý chí và nhân cách. Từ những kiến thức đó sinh viên liên hệ để giải thích hiện tượng tâm lí trong học tập và trong cuộc sống, rèn luyện tâm lý và nhân cách. Đồng thời hình thành phát triển kỹ năng thấu hiểu, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập môn tâm lý học đại cương.

### **14. ( ) Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm (3TC)**

Nội dung của môn học gồm 5 chương, trang bị hệ thống tri thức khoa học về tâm

### **23. (LISU3303) Lý luận dạy học lịch sử (3TC)**

Học phần này trang bị cho SV những vấn đề: Phương pháp dạy học lịch sử là một khoa học; Quá trình phát triển của phương pháp dạy học lịch sử; Quá trình phát triển của bộ môn lịch sử ở trường phổ thông; Chức năng, nhiệm vụ của bộ môn lịch sử.

Chương trình môn lịch sử ở trường phổ thông: Nguyên tắc xây dựng chương trình và cấu tạo chương trình sách giáo khoa lịch sử ở trường phổ thông.

### **24. (HIS02313) Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lịch sử (3TC)**

Học phần cung cấp hệ thống kiến thức lí luận và kỹ năng về hệ thống phương pháp dạy học và các hình thức dạy học lịch sử ở trường THPT gồm: Hệ thống các phương pháp và các hình thức dạy học Lịch sử ở trường phổ thông, vấn đề đổi mới phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực; Cách thức thiết kế giáo án dạy học, tiến hành các loại bài học lịch sử trên lớp, các bài ngoại khóa, ôn tập, sơ kết, tổng kết, kiểm tra đánh giá; Hoạt động ngoại khóa trong dạy học lịch sử; Những yêu cầu, nhiệm vụ đối với người giáo viên lịch sử.

### **25. (HIS02332) Ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học lịch sử (2TC)**

Học phần này cung cấp cho SV kiến thức đại cương về máy tính (Hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản), biết cách thiết kế giáo án điện tử trên Microsoft PowerPoint, sử dụng Internet trong dạy học lịch sử...

### **26. (HIS03113) Lý luận sử học (3TC)**

Học phần được chia thành 4 chương: Những hiểu biết cơ bản về lịch sử và khoa học lịch sử; Lịch sử là một khoa học; Những quan điểm cơ bản về nhận thức lịch sử; Một số vấn đề về phương pháp nghiên cứu lịch sử.

### **27. (LISU1172) Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC)**

Học phần bao gồm chương mở đầu có tính chất nhập môn giới thiệu về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của môn học cùng các khái niệm cơ bản của ngành học. Hai phần chính của học phần trình bày về quá trình hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam cũng như các thành tố của nó. Nói cách khác, các kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam đã được xem xét một cách toàn diện trên cả ba mặt thời gian, không gian và cấu trúc.

### **28. (LISU2233) Lịch sử văn minh thế giới (3TC)**

Lịch sử văn minh thế giới là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên

ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần giới thiệu về những kiến thức cơ sở, khái quát và toàn diện về lịch sử văn minh nhân loại từ cổ trung đại hiện đại. Những khái niệm về Văn minh, Văn hóa; Cơ sở hình thành và những thành tựu về khoa học kỹ thuật, những phát minh sáng tạo của nhân loại để duy trì trái đất và xã hội loài người. Những giá trị nhân văn và những sáng tạo mang tính nhân bản trong tiến trình phát triển của văn minh nhân loại. Cơ sở hình thành bao gồm: Những điều kiện tự nhiên; điều kiện xã hội; điều kiện lịch sử. Những thành tựu bao gồm: Chữ viết; Văn học; Tôn giáo; Hệ tư tưởng; Triết học; Nghệ thuật; Thiên văn; Toán học; Vật lý; Y học và những phát minh về khoa học kỹ thuật.

### **29. (HIS04272) Khuynh hướng canh tân nửa sau thế kỉ XIX và phong trào duy tân đầu thế kỉ XX ở Việt Nam (3TC)**

Khuynh hướng canh tân nửa sau thế kỉ XIX và phong trào duy tân đầu thế kỉ XX ở Việt Nam là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và có hệ thống, giúp sinh viên hiểu được những nội dung kiến thức tổng quát và đi sâu tìm hiểu những đặc điểm, tính chất của phong trào duy tân ở một số nước phương Đông và đặc biệt là Việt Nam trong giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Học phần Cải cách duy tân ở Việt Nam (cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX) giúp sinh viên thấy được vai trò của cải cách, đổi mới trong quá trình xây dựng phát triển xã hội, rút ra được những bài học kinh nghiệm cho công cuộc đổi mới hiện nay.

### **30. (LISU555) Khảo cổ học đại cương (3TC)**

Khảo cổ học đại cương là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần giới thiệu những tri thức cơ bản về Khảo cổ học bao gồm: đối tượng nghiên cứu của Khảo cổ học; lịch sử, lí thuyết và phương pháp nghiên cứu bộ môn. Các thời đại Khảo cổ học bao gồm: Thời đại đồ đá cũ; Thời đại đồ đá giữa; Thời đại đồ đá mới; Thời đại đồ đồng; Thời đại đồ sắt. Những thành tựu của khảo cổ học Việt Nam thời sơ sử với ba văn hóa khảo cổ: Văn hóa Đông Sơn; Văn hóa Sa Huỳnh; Văn hóa Óc Eo. Những thành tựu khảo cổ học lịch sử với các các nghiên cứu về Thành cổ; Mộ táng; Đình; Chùa; Khảo cổ học Cham Pa; Khảo cổ học Phù Nam. Học phần cũng trang bị những phương pháp và thao tác trong nguyên cứu khảo cổ, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề lịch sử giai đoạn cổ trung đại.

### **31. (LISU0415) Lịch sử thế giới cổ trung đại (5TC)**

Học phần cung cấp hệ thống những kiến thức cơ bản về nguồn gốc loài người, các thời kì phát triển của xã hội nguyên thủy; Sự hình thành, quá trình phát triển lịch sử, đặc điểm kinh tế - xã hội và thành tựu văn hóa các quốc gia Cổ đại phương Đông và phương Tây; quá trình hình thành, phát triển và suy vong của chế độ phong kiến ở phương Đông như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á và ở phương Tây thời sơ, trung và hậu kỳ trung đại Tây Âu.

### **32. (LISU3254) Lịch sử thế giới cận đại (4TC)**

Học phần giới thiệu những nội dung cơ bản của lịch sử thế giới cận đại, tập trung vào những vấn đề chính sau: Sự thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản và sự xác lập của CNTB trên phạm vi thế giới. Những chuyển biến của CNTB Âu Mỹ cuối TK XIX đầu TK XX; Sự hình thành giai cấp vô sản hiện đại, sự phát triển của phong trào công nhân, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội KH; Quá trình xâm chiếm thuộc địa của CNTB phương Tây và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước Á – Phi - Mỹ latin.

### **33. (LISU3264) Lịch sử thế giới hiện đại (4TC)**

Học phần trang bị cho người học những nội dung về lịch sử thế giới trong các giai đoạn lịch sử như sau: 1917- 1945: Cuộc cách mạng tháng Mười Nga 1917; Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921- 1941); Phong trào cách mạng thế giới (1918- 1939); các nước tư bản (1919- 1939); quan hệ quốc tế và chiến tranh thế giới lần thứ hai. 1945 đến nửa đầu những năm 70: Gồm quan hệ quốc tế 1945 đến nửa đầu những năm 70; Liên Xô Đông Âu từ 1945 đến nửa đầu những năm 70; các nước Á – Phi – Mỹ Latinh sau chiến tranh thế giới thứ hai; Các nước TBCN sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa đầu những năm 70. Từ nửa sau những năm 70 đến nay: Gồm quan hệ quốc tế từ nửa sau những năm 70 đến nay; Liên Xô và các nước Đông Âu từ nửa sau những năm 70 đến 1991; các nước TBCN từ nửa sau những năm 70 đến nay; cách mạng khoa học kĩ thuật sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

### **34. (LISU3474) Lịch sử Việt Nam cổ trung đại (4TC)**

Lịch sử Việt Nam cổ trung đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản, trọng tâm của lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến khi thực dân Pháp xâm lược. Những nội dung chính của học phần sẽ được tập trung phân tích, làm rõ

là: Niên đại và địa bàn cư trú của người Việt Cổ thời Hùng Vương, sự chuyển biến về tình hình kinh tế - xã hội, sự ra đời của nhà nước Văn Lang, cuộc kháng chiến chống xâm lược Tần và sự hình thành nhà nước Âu Lạc, tình hình kinh tế - xã hội và nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc, cuộc xâm lược của nhà Triệu; các thể lực phong kiến phương Bắc, chính sách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc, những chuyển biến về kinh tế, xã hội văn hóa, các cuộc đấu tranh vũ trang giành lại độc lập, cuộc đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng nhằm bảo vệ các di sản văn hóa cổ truyền; Quá trình xây dựng và hoàn chỉnh nhà nước, pháp luật phong kiến; sự phát triển kinh tế, các thành tựu văn hóa xã hội, các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc.

### **35. (LISU3284) Lịch sử Việt Nam cận đại**

Lịch sử Việt Nam cận đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản, trọng tâm của lịch sử Việt Nam trong từ năm 1858 đến năm 1945 được phân kỳ thành các giai đoạn sau: 1858-1896, 1897-1918, 1919-1930, 1930-1945. Những nội dung chính của học phần sẽ được tập trung phân tích, làm rõ là: Bối cảnh lịch sử khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, phong trào đấu tranh chống Pháp và những chính sách của triều đình nhà Nguyễn; Quá trình thay đổi trong chính sách cai trị, bóc lột của thực dân Pháp qua từng giai đoạn và những chuyển biến về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa Việt Nam. Sự phát triển của phong trào yêu nước, cách mạng Việt Nam qua từng Học phần Lịch sử Việt Nam cận đại gồm 12 chương.

### **36. (LISU3294) Lịch sử Việt Nam hiện đại (STC)**

Lịch sử Việt Nam hiện đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Nội dung học phần bao gồm những kiến thức toàn diện, cơ bản, hệ thống về lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay. Các vấn đề chủ yếu trong các học phần này là: Cuộc kháng chiến chống Pháp 1945- 1954; hai miền Nam Bắc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng XHCN ở miền Bắc 1954-1975 và cả nước độc lập, thống nhất, đi lên CNXH từ 1975 đến nay.

### **37. (LISU4402) Nghệ thuật quân sự Việt Nam thời cổ trung đại (2TC)**

Nghệ thuật quân sự Việt Nam thời cổ trung đại là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử.

**45. (LISU4422) Chiến lược tiến công trong cách mạng miền Nam (1954-1975) (2TC)**

Chiến lược tiến công trong cách mạng miền Nam (1954-1975) là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về khái niệm chiến lược tiến công, cơ sở hình thành chiến lược tiến công, diễn biến chiến lược tiến công, phương châm đấu tranh nhằm đưa chiến lược tiến công đi đến thắng lợi, ý nghĩa chiến lược tiến công trong lịch sử dân tộc nói chung và trong kháng chiến chống Mỹ nói riêng. Cuối cùng là bài học kinh nghiệm từ chiến lược tiến công đối với sự nghiệp đổi mới đất nước ngày nay.

**46. (HIS04312) Nhân học đại cương(3TC)**

Nhân học đại cương là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nhân học: lịch sử phát triển của nhân học thế giới, các trường phái trong nhân học và lịch sử phát triển của nhân học Việt Nam, về cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam, sự phân bố và các đặc trưng văn hóa tộc người ở Việt Nam (vùng, nhóm ngôn ngữ và tộc người), tính thống nhất và đa dạng của văn hóa và tộc người ở Việt Nam, nguyên tắc cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước ta, vị trí của vấn đề dân tộc trong tiến trình lịch sử dân tộc và trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Học phần cũng trang bị những nguyên tắc cơ bản của phương pháp và thao tác trong nguyên cứu nhân học, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề văn hóa và văn hóa tộc người.

**47. (LISU4542) Phong trào nông dân Việt Nam trong lịch sử Việt Nam cổ trung đại (2TC)**

Phong trào nông dân Việt Nam trong lịch sử Việt Nam cổ trung đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần phân tích về thực trạng xã hội Việt Nam trong thời kỳ này để lý giải nguyên nhân làm bùng nổ phong trào nông dân. Trên cơ sở đó tìm hiểu về những đặc điểm, nguyên nhân thất bại của phong trào, đồng thời rút ra những nhận xét, đánh giá vai trò của phong trào nông dân đối với sự phát triển của lịch sử dân tộc.

#### **48. (LISU5562) Thực tế chuyên môn (2TC)**

Thực tế chuyên môn là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp nội dung tìm hiểu học tập thực địa tại các Bảo tàng, di tích khảo cổ, di tích lịch sử - văn hoá liên quan tới quá trình hình thành nhà nước. Quá trình đấu tranh giữ nước và mở rộng bờ cõi cương vực. Sinh viên nghiên cứu học tập trực tiếp tại các khu di tích khảo cổ, di tích lịch sử - văn hóa và truyền thống cách mạng, di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích danh lam thắng cảnh tại các tỉnh thành ở khu vực Trung bộ, Bắc bộ. Qua học tập tại các bảo tàng, di tích lịch sử và văn hóa giúp sinh viên nhận thức toàn diện hơn về lịch sử dân tộc, gắn học với hành, góp phần nâng cao chất lượng dạy học của một giáo viên môn lịch sử ở trường trung học. Ngoài ra học phần cũng trang bị những phương pháp nghiên cứu thực tế điền dã, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề lịch sử.

#### **49. (HIS82122) Biểu tượng và khái niệm trong dạy học lịch sử (2TC)**

Nội dung cơ bản của học phần gồm 5 chương đề cập đến các nội dung: Khái niệm kiến thức lịch sử, sự kiện lịch sử cơ bản và con đường hình thành tri thức lịch sử cho học sinh ở trường THPT là Từ tài liệu - sự kiện tạo biểu tượng lịch sử, trên cơ sở các biểu tượng đó hình thành khái niệm, nêu quy luật và rút bài học lịch sử.

#### **50. (LISU4522) Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương (2TC)**

Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương cung cấp hệ thống kiến thức về khái niệm “Địa phương”, về đối tượng nghiên cứu và vị trí của bộ môn, về phương pháp nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương, từ việc sưu tầm tư liệu cho đến cách thức vận dụng, khai thác vào việc nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương. Ngoài ra, học phần môn học còn cung cấp những cách thức trong việc sưu tầm tư liệu để viết lịch sử nhà trường và xây dựng phòng truyền thống nhà trường.

#### **51. (LISU4462) Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại (2TC)**

Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần gồm có 3 chương, trình bày khái luận về cải cách, đổi mới, cách mạng... và cách tiếp cận. Trọng tâm học phần trình bày về hoàn cảnh lịch sử và nội dung các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam cổ trung đại (khoảng 10 cuộc cải cách và tư tưởng cải cách). Từ đó đưa ra một số nhận xét và nêu những vấn đề đặt ra cho công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay.

### **52. (LISU4453) Lịch sử ngoại giao Việt Nam (2TC)**

Lịch sử ngoại giao Việt Nam là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp những chính sách bang giao với các nước láng giềng và phương thức tiến hành các mối bang giao đó, xuất phát từ các nhiệm vụ giành và giữ độc lập dân tộc, gây dựng hòa hiếu, chống xâm lược, mở mang và xây dựng đất nước cường thịnh; tổng kết những kinh nghiệm của cha ông trong việc kết hợp đấu tranh ngoại giao với các hình thức đấu tranh khác như: chính trị, quân sự và kinh tế để bảo vệ quyền lợi tối cao của dân tộc; truyền thống ngoại giao hòa hiếu của ông cha ta, tạo nên một trong những cơ sở của ngoại giao Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh.

### **53. (LISU4452) Cải cách kinh tế-xã hội ở Trung Quốc từ 1978 đến nay (2TC)**

Học phần “Cải cách kinh tế - xã hội ở Trung Quốc từ năm 1978 đến nay” thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp kiến thức về công cuộc cải cách kinh tế - xã hội Trung Quốc, lý giải cơ sở xuất hiện lý luận cải cách của các nhà lý luận Trung Quốc, trong đó quan trọng nhất là của Đặng Tiểu Bình trên cơ sở kế thừa những tư tưởng của các nhà lý luận nổi tiếng thế giới. Học phần nêu rõ những nội dung quan trọng nhất của cuộc cải cách theo trình tự thời gian, phân tích những yếu tố cơ bản trong một số lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, đối ngoại, kinh tế thị trường, phát triển kinh tế - xã hội, những chỉ số phát triển cơ bản: chỉ tiêu về kinh tế, về cơ cấu xã hội, về nâng cao đời sống nhân dân, những thành tựu to lớn mà nhân dân TQ đã đạt được trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội; luận giải một số điểm tương đồng và khác biệt trong cải cách kinh tế TQ và đổi mới VN.

### **54. (HIS84312) Việt Nam – ASEAN (2TC)**

Học phần cung cấp cho sinh viên nội dung kiến thức về: Nguyên nhân ra đời, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động, quá trình hoạt động của ASEAN, thành tựu và hạn chế, cơ hội và thách thức, triển vọng trên con đường phát triển; quan hệ Việt Nam – ASEAN từ khi tổ chức này thành lập (1967) đến nay.

### **55. (HIS74132) Văn học Việt Nam (2TC)**

Nội dung học phần gồm những tri thức về tiến trình phát triển văn học Việt Nam từ văn học trung đại đến hiện đại: những đặc điểm cơ bản mỗi giai đoạn văn học, những thành tựu cụ thể qua các thể loại. Mỗi giai đoạn có thực hành tìm hiểu tác phẩm cụ thể.



**56. (HIS74142) Văn học thế giới (2TC)**

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tiến trình lịch sử văn học thế giới từ thời kỳ cổ đại đến hiện đại và những kiến thức cơ bản về một số nền văn hóa, văn học đã có vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển văn học thế giới hoặc có những mối liên hệ gần gũi với văn học Việt Nam. Sinh viên nắm được kiến thức và ứng dụng được kiến thức trong quá trình dạy học sau này.

**57. (HUC84905) Khóa luận (5TC)**

**58. (LISU5612) Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam (1930 – 1975) (3TC)**

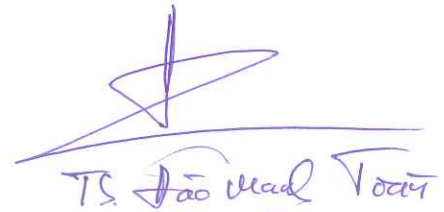
Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam (1930 – 1975) là học phần thay thế tốt nghiệp, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần đề cập đến vai trò của mặt trận trong cách mạng Việt Nam nói chung. Trên cơ sở này, học phần đề cập đến mặt trận dân tộc thống nhất qua các thời kỳ lịch sử 1930 – 1945, 1945 – 1954, 1954 – 1975. Từ đó rút ra bài học kinh nghiệm về mặt trận trong cách mạng Việt Nam.

**59. (LISU5593) Sử dụng đồ dùng trực quan nhằm phát triển năng lực của học sinh trong dạy học lịch sử (2TC)**

Sử dụng đồ dùng trực quan nhằm phát triển năng lực của học sinh trong dạy học lịch sử là học phần thay thế tốt nghiệp, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp hệ thống kiến thức với các nội dung chính: ý nghĩa việc sử dụng đồ dùng trực quan để phát huy tính tích cực học tập của học sinh trong dạy học lịch sử; nội dung việc sử dụng đồ dùng trực quan để phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học lịch sử.

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

**TRƯỞNG KHOA**



TS Đào Mạnh Toàn

**HIỆU TRƯỞNG**